

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 134/TCTCNTP-VP

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2019

V/v công bố thông tin năm 2019.

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai kính gửi Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2018, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (báo cáo đính kèm), để thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TT & TT (b/c);
- Sở TC; Chi cục TCDN;
- Hội đồng thành viên;
- Các Phó TGĐ;
- Kiểm soát viên;
- Giám đốc tài chính;
- Các phòng: KHTH, KTNB, KTTT, DA, TCLĐ, NVTH;
- Lưu VT, VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hiệu

Số: 593 /BC-TCTCNTP

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Dự ước tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

Thực hiện Văn bản số 4427/SKHĐT-KTN ngày 07/11/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai báo cáo dự ước tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 và xây dựng kế hoạch năm 2019 như sau:

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Kinh tế - xã hội nước ta trong năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Trong khi các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Liên minh châu Âu có dấu hiệu khởi sắc thì Trung Quốc lại đang giảm dần đà tăng trưởng. Hoạt động thương mại toàn cầu phục hồi tích cực nhưng còn đối mặt nhiều thách thức, đặc biệt những thay đổi trong chính sách thương mại và thuế thu nhập doanh nghiệp của Mỹ là những yếu tố tác động đến kinh tế nước ta và các nước trong khu vực. Riêng tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 trong nước tiếp tục duy trì đà chuyển biến tích cực, dự kiến hoàn thành 12/12 chỉ tiêu được Quốc hội giao. Một trong những thành tựu nổi bật của kinh tế - xã hội năm 2018 chính là kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, tạo nền tảng quan trọng để thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực. Trong đó, tăng trưởng kinh tế theo xu hướng tích cực, tốc độ tăng trưởng GDP duy trì ở mức cao, ước tính đạt 6,7%, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, mô hình tăng trưởng chuyển dần sang chiều sâu. Bên cạnh đó, chỉ số lạm phát được kiểm soát tốt trong năm 2018, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân duy trì ở mức dưới 4%; thị trường tài chính duy trì tăng trưởng ổn định, tăng trưởng tín dụng ở mức 17%, đáp ứng đủ yêu cầu vốn cho nền kinh tế, nhất là lĩnh vực sản xuất - kinh doanh; xuất nhập khẩu tiếp tục đà tăng trưởng... Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được quan tâm, đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào việc duy trì ổn định, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018

a) Phương án sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn

Thực hiện Quyết định số 4328/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh về danh mục doanh nghiệp sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn các doanh

ng nghiệp thuộc Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 2017-2019, Tổng công ty tiến hành sắp xếp, cổ phần hóa và thoái vốn Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong Tổ hợp Tổng công ty và dự kiến đến cuối năm 2018 sẽ đạt được các kết quả như sau:

- Thoái hết vốn 02 doanh nghiệp thành viên Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ bao gồm: Công ty CP Bao bì Biên Hòa và Công ty CP Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai.

- Thoái hết vốn tại 02 doanh nghiệp thành viên Tổng công ty nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ gồm các Công ty cổ phần: Nhà Bình Đa, Đồng Việt Thành.

b) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu ước thực hiện được 4.425 tỷ đồng; bằng 61,72% so với cùng kỳ. Trong đó, Công ty mẹ ước thực hiện 2.100 tỷ đồng, đạt 96,37% so với kế hoạch năm và bằng 102,56% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế ước thực hiện 648,7 tỷ đồng; bằng 126,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Công ty mẹ ước thực hiện 587,5 tỷ đồng, đạt 114,98% so với kế hoạch năm và bằng 136,44% so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận sau thuế ước thực hiện 535,5 tỷ đồng; bằng 132,14% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Công ty mẹ ước thực hiện 517,9 tỷ đồng; đạt 121,31% so với kế hoạch năm và bằng 129,02% so với cùng kỳ năm trước.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế ứng vốn Nhà nước của Tổng công ty đạt 13,93% đạt 102,88% so với kế hoạch năm 2018. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Nhà nước của Công ty mẹ đạt 16,01% đạt 118,24% so với kế hoạch năm 2018.

- Phát sinh nộp ngân sách ước thực hiện 1.634 tỷ đồng; bằng 86,37% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Công ty mẹ ước thực hiện 1.316 tỷ đồng; đạt 88,59% so với kế hoạch, bằng 85,41% so với cùng kỳ năm trước.

- Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện 13,5 triệu USD, bằng 125,25% so với cùng kỳ; bằng 71,18% so với kế hoạch năm;

- Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 8,8 triệu USD; bằng 111,02% so với kế hoạch và bằng 210,13% so với cùng kỳ.

c) Nhận xét

- Hoạt động thoái vốn tại các đơn vị thành viên và các đơn vị liên doanh liên kết đã mang lại cho Tổng công ty một nguồn thu đáng kể để đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Ước tính lợi nhuận thu về từ thoái vốn trong năm 2018 sẽ chiếm 53,68% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn Tổ hợp và chiếm 59,27% lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ.

- Tổng doanh thu toàn tổ hợp 2018 giảm đáng kể, bằng 61,72% so với kết quả thực hiện năm 2017, do một phần doanh thu từ các công ty con chuyển thành công ty liên kết hoặc thoái vốn toàn bộ không còn được ghi nhận. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế ước thực hiện 2018 của toàn tổ hợp tăng 32,14% so

với năm 2017; và lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ tăng 29,02% so thực hiện năm 2017.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chủ yếu trong một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh

Lĩnh vực công nghiệp với trọng tâm là hoạt động sản xuất thuốc lá, vật liệu xây dựng, gỗ dán và quần áo gia công xuất khẩu thu được tổng doanh thu 2.338 tỷ đồng, chiếm 52,83% trong cơ cấu doanh thu của toàn Tổ hợp. Đối với lĩnh vực nông nghiệp tuy là ngành chiếm tỷ trọng doanh thu thấp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tổ hợp chiếm 8,66% tổng doanh thu, với doanh thu của ngành đạt khoảng 383,1 tỷ đồng. Trong đó, hoạt động sản xuất chính của các đơn vị thành viên là chăn nuôi heo với đặc thù của ngành phụ thuộc nhiều vào khí hậu thời tiết và quy luật cung cầu. Trong năm 2018, chăn nuôi heo khởi sắc hơn với các hoạt động tái đàn, trên khắp cả nước giá thịt heo tiếp tục giữ ở mức ổn định. So với cùng kỳ, thị trường heo đã có nhiều cải thiện rõ rệt, người chăn nuôi heo thu được lãi cao. Thương mại dịch vụ là ngành kinh doanh quan trọng của toàn Tổ hợp với hoạt động kinh doanh nông sản, xăng dầu, xe gắn máy, các hoạt động dịch vụ du lịch và cho thuê kho, mặt bằng. Tổng doanh thu của lĩnh vực thương mại – dịch vụ ước đạt 1.704 tỷ đồng, chiếm 38,51% cơ cấu tổng doanh thu của toàn Tổ hợp.

- Thuốc lá điều: tổng sản lượng tiêu thụ trong năm ước đạt 329 triệu bao bằng 91,32% so với cùng kỳ, đạt 86,52% so với kế hoạch năm. Trong đó: sản lượng xuất khẩu đạt 57 triệu bao. Trong năm 2018, Tổng công ty chú trọng tìm kiếm đối tác mở rộng thị trường xuất khẩu trong đó thị trường thuốc lá các nước trong khu vực Châu Á vẫn sẽ là thị trường mục tiêu mà Tổng công ty hướng tới; đồng thời nghiên cứu và tung ra một số dòng sản phẩm mới để giữ vững vị thế cạnh tranh và từng bước đưa hình ảnh sản phẩm Công ty ra thị trường miền Bắc. Dù các sản phẩm mới xuất hiện trên thị trường trong thời gian ngắn, bước đầu các sản phẩm này đã nhận được tín hiệu khả quan.

- Vật liệu xây dựng: sản lượng tiêu thụ đá năm 2018 ước đạt 5,6 triệu m³, bằng 97,09% so với kế hoạch, bằng 92,19% so với cùng kỳ. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá có sụt giảm so với cùng kỳ là do nhiều dự án lớn về hạ tầng giao thông, các tuyến đường cao tốc khu vực miền Đông và Tây Nam bộ chưa triển khai thi công do khó khăn về vốn; bên cạnh đó, các dự án đầu tư theo hình thức BOT đang trong giai đoạn kiểm tra, rà soát lại của Chính phủ...

- Cao su RSS: ngành cao su đã bị ảnh hưởng rất lớn do năm nay thời tiết bất thường nắng nóng gay gắt sau đó là lượng mưa lớn kéo dài, dòn dập đã làm giảm sản lượng và năng suất thu hoạch khoảng 34,52% so với cùng kỳ. Giá bán tại thời điểm hiện nay so với cùng kỳ giảm 24,65% chỉ ở mức 29,6 triệu đồng/tấn. Sản lượng tiêu thụ cao su RSS tiêu thụ ước thực hiện 1.122 tấn, bằng 76,53% so với cùng kỳ, đạt 87,72% kế hoạch năm.

- Gỗ dán các loại: sản lượng tiêu thụ gỗ ước thực hiện năm 2018 là 2.000 m³, tăng 16,01% so với cùng kỳ, đạt 133,33% so với kế hoạch năm.

- Gỗ ván veneer gia công các loại: mức tiêu thụ ước đạt 350.000 m², bằng 97,24% so với cùng kỳ, bằng 106,06% so với kế hoạch.

- Quần áo gia công xuất khẩu: ngành gia công quần áo xuất khẩu tại đơn vị đang đối mặt với bài toán thiếu hụt lao động, công nhân may nghỉ nhiều dẫn đến sản lượng quần áo gia công giảm mạnh. Tuy nhiên, vượt qua được những khó khăn trên, sản lượng tiêu thụ trong năm ước thực hiện được 370 nghìn sản phẩm, đạt 105,71% so với kế hoạch, bằng 79,91% so với cùng kỳ.

- Sản lượng tiêu thụ heo giống ước thực hiện 695 tấn, bằng 72,38% so với cùng kỳ, đạt 77,20% so với kế hoạch. Heo thịt ước đạt 8.100 tấn, tăng 5,58% so với cùng kỳ, tăng 39,66% so với kế hoạch.

- Xe Honda 2 bánh: mặt hàng xe gắn máy chịu nhiều áp lực từ các cơ sở kinh doanh tư nhân với nhiều hình thức khuyến mãi cạnh tranh và tính linh động trong kinh doanh ngày có ưu thế. Tuy nhiên, để thu hút khách hàng mua xe Công ty đã xây dựng chương trình khuyến mại khi mua xe được tặng áo mưa, nón bảo hiểm, dầu nhớt giữ vững thị phần tiêu thụ. Sản lượng tiêu thụ xe gắn máy ước đạt 1.600 chiếc, bằng 91,22% so với cùng kỳ, đạt 104,58% so với kế hoạch năm.

- Phụ tùng xe Honda 2 bánh: sản lượng tiêu thụ ước đạt 68.000 chiếc, bằng 85,59% so với cùng kỳ, đạt 97,14% so với kế hoạch năm.

- Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thức ăn gia súc: sản lượng tiêu thụ ước đạt 8.000 tấn, bằng 62,52% so với cùng kỳ và đạt 50,00% kế hoạch năm;

- Nông sản: tổng sản lượng tiêu thụ bắp hạt, mỳ lát, cà phê, điều đạt 20,86 ngàn tấn bằng 71,94% so với cùng kỳ; đạt 93,13% so với kế hoạch.

- Xăng dầu các loại: Tình hình giá cả xăng dầu trên thế giới cũng như trong nước biến động tăng giảm thất thường gây không ít khó khăn cho các trạm kinh doanh xăng dầu. Bên cạnh đó, tình hình kinh doanh mặt hàng xăng sinh học E5 Ron 92-II gặp nhiều khó khăn vì hiện nay đại đa số khách hàng vẫn chưa quen sử dụng loại xăng này nên sản lượng bán ra mặt hàng này không cao. Sản lượng tiêu thụ ước đạt 3,1 triệu lít, bằng 98,44% so với cùng kỳ, đạt 103,33% so với kế hoạch năm.

- Các loại hình dịch vụ: dịch vụ cho thuê mặt bằng để sử dụng hiệu quả diện tích nhàn rỗi mang lại nguồn thu ổn định, doanh thu từ hoạt động này trong năm 2018 ước thực hiện 5,5 tỷ đồng, bằng 35,24% so với cùng kỳ, đạt 44,35% kế hoạch năm. Dịch vụ du lịch trong năm 2018 có doanh thu ước thực hiện 86,4 tỷ đồng bằng 102,72% so với cùng kỳ; đạt 95,44% kế hoạch năm.

3. Các hoạt động dự án

- Đối với dự án Khu liên hợp Công nông nghiệp DOFICO, Công ty mẹ tiến hành các hoạt động như sau:

+ Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Xuân Lộc và Công ty TNHH MTV Thọ Vực thu hồi những diện tích đất đã chi

tiền bồi thường hỗ trợ, chi trả tiền hỗ trợ bổ sung Khu 142 ha tại Phân khu nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao Thọ Vực.

+ Rà soát bổ sung hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phân khu 3B và phân khu 3C.

+ Lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tác thuê lại đất tại phân khu trồng trọt và chăn nuôi tập trung và xúc tiến các công việc có liên quan phục vụ cho việc thành lập Doanh nghiệp cho các nhà đầu tư thứ cấp tại Phân khu 3A.

+ Khảo sát lập phương án trồng thử nghiệm cây cam và cây dứa liệu tại Phân khu nông nghiệp ứng dụng kỹ thuật cao Thọ Vực.

+ Lập hồ sơ trồng cây keo lai giai đoạn 2 năm 2018 tại phân khu 3A, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc với diện tích 37,15ha. Đồng thời, triển khai việc thực hiện chăm sóc năm thứ 2 đối với diện tích 51,2 ha keo lai đã trồng trong năm 2017.

+ Phối hợp với Công ty TNHH Đồng Nai – VinEco rà soát hiện trạng sử dụng Khu đất tại xã Tam Phước, Tp. Biên Hòa (Khu đất Công ty Sữa trước đây) và Khu đất tại xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom (Khu đất Công ty Nông nghiệp Đồng Nai trước đây).

+ Phối hợp với đơn vị đo đạc rà soát, chỉnh lý lại bản đồ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu đất tại xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom.

+ Xây dựng phương án sử dụng đất Công ty mẹ phục vụ cổ phần hóa vào thời điểm 31/12/2018.

- Bên cạnh đó, Công ty mẹ tiến hành thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị, điều kiện kho tàng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc lá.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA NĂM 2019

1. Mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát

- Tập trung toàn lực về nguồn vốn, nguồn nhân sự, tăng cường mối liên kết nội bộ, cùng hỗ trợ, thúc đẩy giữa các đơn vị thành viên, cùng vượt qua khó khăn nhằm hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch Tổng công ty đã đề ra.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu, thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo đúng lộ trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

- Tiếp tục kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên; đồng thời chỉ đạo các đơn vị thường xuyên tự hoàn thiện, nâng cao hệ thống quản lý, kịp thời khắc phục các tồn tại nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch được giao.

- Ngoài việc sản xuất các sản phẩm phục vụ thị trường nội địa, Tổng công ty luôn quan tâm tìm kiếm các đối tác để phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu.

- Để củng cố, nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm, Tổng công ty tiếp tục quan tâm tuyển chọn nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, tìm kiếm thêm các loại phụ liệu mới, có tính đặc trưng cho sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và thị hiếu người tiêu dùng ngày càng cao.

- Tăng cường các biện pháp tiết kiệm, tránh lãng phí trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Do trong năm 2019 dự kiến sẽ thoái vốn tiếp tục tại các công ty thành viên nên sẽ không còn công ty con, Tổng công ty chỉ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty mẹ (không xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn tổ hợp).

Tổng công ty xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (Công ty mẹ) như sau:

- Tổng doanh thu ước đạt 1.985 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế ước đạt 306,6 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế ước đạt 251,0 tỷ đồng;
- Phát sinh nộp ngân sách ước đạt 1.269 tỷ đồng;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Nhà nước cả năm 2019 ước thực hiện 7,67%.

3. Kế hoạch tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu

- Thuốc lá điều ước tiêu thụ là 422 triệu bao, tăng 28,25% so với thực hiện năm 2018;

- Xe gắn máy các loại ước tiêu thụ là 1.680 chiếc, tăng 5,00% so với thực hiện năm 2018;

- Phụ tùng xe Honda 2 bánh ước tiêu thụ là 70.000 cái, tăng 2,94% so với thực hiện năm 2018;

- Xăng dầu ước tiêu thụ 3,2 triệu lít, tăng 3,23% so với thực hiện năm 2018.

4. Công tác đầu tư

- Tiếp tục thực hiện chiến lược đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa và nâng cao năng suất dây chuyền thiết bị sản xuất thuốc lá điều, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng trong nước và ngoài nước. Đầu tư cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm hàm lượng tar và nicotine trong khói thuốc lá theo quy định của Chính phủ.

- Cải tạo và nâng cấp điều kiện cơ sở vật chất các kho tàng của Tổng công ty.

- Các công ty thành viên tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Các nhóm giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2019

a) Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

- Tổng công ty xác định thị trường tiêu thụ nội địa vẫn là trọng tâm của hoạt động sản xuất kinh doanh; phân khúc khách hàng trung cấp là thị trường mục tiêu của năm 2019. Tổng sản phẩm thuốc lá tiêu thụ của Tổng công ty năm 2019 dự kiến trên 422 triệu bao, trong đó tiêu thụ nội địa là 299 triệu bao. Bên cạnh đó, Tổng công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác xuất khẩu, mở rộng thị trường thuốc lá nước ngoài; đặc biệt là khu vực Châu Á, mục tiêu sản lượng thuốc lá xuất khẩu trong năm 2019 đạt 123 triệu bao.

- Tiếp tục định hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm hợp lý đáp ứng nhu cầu tiêu dùng theo từng vùng. Đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu; chú trọng công tác kiểm soát chặt chẽ, duy trì ổn định chất lượng sản phẩm trong tất cả các công đoạn dự trữ, sản xuất và lưu thông. Tích cực nghiên cứu, phát triển các sản phẩm thay thế thuốc lá bất hợp pháp và các sản phẩm phù hợp với từng vùng thị trường.

- Kiểm soát tiêu thụ trên thị trường để cung cấp hàng hóa hợp lý, tránh tình trạng đầu cơ, làm giá trong hệ thống phân phối trước thời điểm tăng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt vào đầu năm 2019.

- Nâng cao vai trò của hệ thống phân phối trong việc điều hành và phát triển thị trường; hoàn thiện và thực hiện tốt Quy định đánh giá nhà phân phối. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả của đội ngũ nhân viên bán hàng.

- Củng cố mối quan hệ với khách hàng, thị trường xuất khẩu đã có. Đẩy mạnh tìm kiếm cơ hội phát triển thị trường và khách hàng mới trên nguyên tắc phải đảm bảo hiệu quả và tính pháp lý.

- Nghiên cứu, từng bước xây dựng vùng nguyên liệu thuốc lá trong nước theo hướng bền vững; chú trọng công tác hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, phân loại, sơ chế, bảo quản nguyên liệu, đáp ứng nhu cầu phối chế của Tổng công ty.

- Tiếp tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu, phụ liệu, hương liệu thuốc lá phù hợp, đáp ứng nhu cầu phối chế các sản phẩm trung cấp mới của Tổng công ty. Kiện toàn quy trình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; nghiên cứu chính sách đầu tư phù hợp cho công tác khoa học công nghệ và nghiên cứu phát triển, đảm bảo nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cũng như điều kiện đãi ngộ phù hợp. Tăng cường công tác nghiên cứu xu hướng tiêu dùng, xu hướng sử dụng các chủng loại nguyên, phụ liệu mới trong sản xuất thuốc lá điếu.

- Tăng cường quản lý và sử dụng vốn chặt chẽ, hiệu quả, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn; thực hiện các giải pháp quản lý, sử dụng chi phí hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

b) Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu, thoái vốn tại các đơn vị thành viên

Tiếp tục thực hiện lộ trình tái cơ cấu, thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt đảm bảo đúng thời gian và mục tiêu đạt kết quả tốt nhất.

c) Thực hiện tốt công tác đoàn thể, tích cực tham gia hoạt động an sinh xã hội

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 ngay từ đầu năm. Tiếp tục phát huy hiệu quả của chương trình bình xét và tuyên dương “Người lao động Dofico tiêu biểu” hàng tháng.

- Quan tâm triển khai thực hiện văn hóa doanh nghiệp; truyền thông slogan, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Dofico trong nội bộ Tổng công ty.

- Tuyên truyền các chính sách, pháp luật, đảm bảo quyền lợi người lao động trong quá trình tái cơ cấu, thoái vốn Tổng công ty tại các đơn vị thành viên.

- Tích cực tham gia các chương trình thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhà nước phù hợp với điều kiện và khả năng tài chính của Tổng công ty.

III. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả dự ước các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 2018 và tình hình thực hiện Đề án tái cơ cấu, Tổng công ty kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan xem xét, phê duyệt các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được trình bày trong báo cáo.

Trên đây là một số nội dung chính về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai, Tổng công ty kính báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND Tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Chi cục Tài chính DN;
- Đảng ủy TCTy;
- HĐQT;
- Các Thành viên HĐQT;
- Tổng Giám đốc, các Phó TGĐ;
- Các phòng: KTTC, KTNB, TVLK, DA, TCLĐ;
- Lưu VT, KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kim Long



BÁO CÁO ƯỚC TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
TỔ HỢP

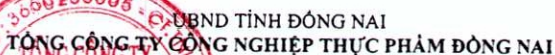
(Kèm theo Văn bản số: 593 /BC-TCTCNTP ngày 28 / 12/2018 của Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2017	NĂM 2018			SO SÁNH 2018	
				KẾ HOẠCH	TH NĂM 2018	KẾ HOẠCH 2019	Cùng kỳ	Kế hoạch
			(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(4)/(1)	(7)=(4)/(2)
1	TỔNG DOANH THU THUẦN	Tr.đ	7.169.297		4.425.095	1.984.830	61,72%	
A	Công nghiệp							
a	Sản lượng tiêu thụ							
	Thuốc lá điều	Triệu bao	360	380	329	422	91,32%	86,52%
	Mủ cao su RSS	Tấn	1.466	1.279	1.122	-	76,53%	87,72%
	Đá xây dựng các loại	1000m3	6.108	5.800	5.631	-	92,19%	97,09%
	Bao bì giấy các loại	Tấn	62.404	87.100	-	-		
	Gỗ dán các loại	m3	1.724	1.500	2.000	-	116,01%	133,33%
	Ván veneer g/c các loại	m2	359.934	330.000	350.000	-	97,24%	106,06%
	Quần áo gia công XK	1000sp	463	350	370	-	79,91%	195,70%
b	Doanh thu SX CN	Tr.đ	2.578.046		2.337.991	1.551.160	90,69%	
B	Nông Nghiệp							
a	Sản lượng tiêu thụ							
	Heo giống	Tấn	960	900	695	-	72,38%	77,20%
	Heo thịt	Tấn	7.672	5.800	8.100	-	105,58%	139,66%
b	Doanh thu SX NN	Tr.đ	258.306		383.100		148,31%	
C	Thương mại - Dịch vụ							
a	Sản lượng tiêu thụ							
	Xăng dầu các loại	1000 lít	3.149	3.000	3.100	3.200	98,44%	103,33%
	Xe gắn máy	Chiếc	1.754	1.530	1.600	1.680	91,22%	104,58%
	Phụ tùng xe Honda 2 bánh	Cái	79.444	70.000	68.000	70.000	85,59%	97,14%
	Phân bón hoá học các loại	Tấn	35.475	37.454	-	-		
	Dịch vụ :							
	Dịch vụ Du lịch	Tr.đ	84.082	90.500	86.371	-	102,72%	95,44%
	Cho thuê kho, mặt bằng	Tr.đ	24.793	12.400	13.000	-	52,43%	104,84%
b	Doanh thu TM DV + Doanh thu khác	Tr.đ	4.332.945		1.704.004	433.670	39,33%	
2	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tr.đ	513.501		648.651	306.641	126,32%	
3	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	Tr.đ	405.242		535.492	250.965	132,14%	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2017	NĂM 2018			SO SÁNH 2018	
				KẾ HOẠCH	TH NĂM 2018	KẾ HOẠCH 2019	Cùng kỳ	Kế hoạch
			(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(4)/(1)	(7)=(4)/(2)
4	PHÁT SINH NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	1.892.420		1.634.491	1.268.779	86,37%	
	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	Tr.đ	266.355		199.871	156.929	75,04%	
	2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	Tr.đ	21.321		15.358	32.775	72,03%	
	4. Thuế Tiêu thụ đặc biệt	Tr.đ	918.789		732.146	859.440	79,69%	
	4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	105.419		114.509	54.326	108,62%	
	5. Tiền thuế đất + Tiền thuê đất	Tr.đ	19.027		80.040	16.017	420,68%	
	6. Thuế Thu nhập cá nhân	Tr.đ	26.178		17.401	8.167	66,47%	
	7. Thuế môn bài	Tr.đ	85		40	4	47,06%	
	8. Thuế khác/ Các khoản phải nộp khác	Tr.đ	535.246		475.126	141.121	88,77%	
5	THỰC NỢP NGÂN SÁCH	Tr.đ	2.385.028		1.737.698	1.321.609	72,86%	
	1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	Tr.đ	346.489		211.231	165.149	60,96%	
	2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	Tr.đ	21.321		16.891	34.414	79,22%	
	3. Thuế Tiêu thụ đặc biệt	Tr.đ	1.252.269		805.361	902.412	64,31%	
	4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	Tr.đ	160.208		115.133	54.326	71,86%	
	5. Tiền thuế đất + tiền thuê đất	Tr.đ	15.809		55.511	16.017	351,13%	
	6. Thuế Thu nhập cá nhân	Tr.đ	27.796		16.528	8.167	59,46%	
	7. Thuế môn bài	Tr.đ	102		40	4	39,22%	
	8. Thuế khác/ Các khoản phải nộp khác	Tr.đ	561.034		461.493	141.121	82,26%	
6	KIM NGẠCH XNK	1000 USD	43.067		52.515	37.601	121,94%	
a	Kim ngạch Xuất khẩu	1000 USD	21.640		24.774	18.840	114,48%	
b	Kim ngạch Nhập khẩu	1000 USD	21.427		27.741	18.761	129,47%	
7	ĐẦU TƯ XDCB	Tr.đ	381.910		216.934	270.200	56,80%	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG





(Kèm theo Văn bản số: 593 /BC-TCTCNTP ngày 28 /12/2018 của Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI



BÁO CÁO ƯỚC TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH CẢ NĂM 2018 - KẾ HOẠCH 2019
(Kèm theo Văn bản số: 893/BC-TCTCNTP ngày 28/12/2018 của Tổng công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	DOANH THU THUẦN			Vốn NN bq năm 2018 (theo TT200/2015/TT-BTC)	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ			LỢI NHUẬN SAU THUẾ			Tỷ lệ (%) Vốn NN	LNST ỨNG VNN		TỶ SUẤT LNST ỨNG VNN		PHÁT SINH NNS	
		KH 2018	Ước năm 2018	Kế hoạch 2019		KH 2018	Ước năm 2018	Kế hoạch 2019	KH 2018	Ước năm 2018	Kế hoạch 2019		Ước năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước năm 2018	Kế hoạch 2019	Ước năm 2018	KH 2019
	TỔNG TÓ HỢP		4.425.095	1.984.830	3.436.513		648.651	306.641		535.492	250.965		478.865	250.965	13,93%	7,67%	1.634.491	1.268.779
1	Công ty Mẹ:	2.047.648	2.100.119	1.984.830	3.235.375	510.948	587.512	306.641	426.180	517.889	250.965		517.889	250.965	16,01%	7,67%	1.315.545	1.268.779
1	Tổng Cty CNTP Đồng Nai	1.936.848	1.973.534	1.857.793		514.748	593.612	299.891	429.220	522.769	245.565	100,00%	522.769	245.565			1.313.326	1.266.968
2	Hội quán	12.500	9.500	-	31.000		(2.500)	-		(2.500)	-	100,00%	(2.500)				450	-
	Văn miếu (Chi phí)	-	-	-		(10.000)	(9.500)	-	(10.000)	(9.500)	-	100,00%	(9.500)				30	-
3	Cty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	98.300	117.085	127.037	53.946	6.200	5.900	6.750	4.960	4.720	5.400	100,00%	4.720	5.400	8,75%		1.739	1.811
II	Cty TNHH ITV (100% VNN)		224.377		304.739		29.167			24.642			24.642				68.307	-
4	Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	145.000	224.377		304.739	28.630	29.167		24.380	24.642		100,00%	24.642		8,09%		68.307	-
	Cty CP có vốn Tổng công ty		2.304.921		939.176		236.289			197.278			140.651				250.639	-
5	Cty CP Nông Sản Đồng Nai (Dolico)	142.500	210.500		224.300	10.000	35.000		10.000	33.200		84,32%	27.994		12,48%		2.650	-
6	Cty CP Xây dựng và sản xuất VLXD Biên Hòa (BBCC)	897.168	1.092.203		339.718	113.000	145.523		90.400	116.379		67,40%	78.439		23,09%		232.126	-
7	Cty CP Vật tư nông nghiệp Đồng Nai	322.334	324.000		72.698	6.250	6.250		5.000	5.000		72,11%	3.606		4,96%		3.238	-
8	Cty CP Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai (Dainimex)	228.000	229.700		31.376	3.800	4.000		3.040	3.200		78,44%	2.510		8,00%		2.040	-
9	Cty CP Cao su Công nghiệp	58.102	53.918		115.236	13.816	13.816		11.253	11.053		65,85%	7.278		6,32%		5.891	-
10	Cty CP Tổng hợp Gỗ Tân Mai	220.000	222.000		49.686	3.700	3.700		2.960	2.960		70,13%	2.076		4,18%		1.406	-
11	Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	152.020	172.600		106.162	6.000	28.000		6.000	25.486		73,56%	18.748		17,66%		3.288	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI



UBND TỈNH ĐỒNG NAI

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Số TT	CHỈ TIÊU	DOANH THU	VỐN NN BQ NĂM 2019	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	% Vốn NN	LNST ỨNG VỐN NN	TỶ SUẤT LNST/VNN	PSNNS	ĐẦU TƯ XDCB
	Tổng Cty CNTP Đồng Nai :	1.984.830	3.272.210	306.641	250.965	100,00%	250.965	7,67%	1.268.779	270.200
1	Công ty mẹ (VP)	1.857.793		299.891	245.565	100,00%	245.565		1.266.968	270.200
	-Sản xuất kinh doanh (VP)	1.562.902		5.000	4.000		4.000			
	-Thu về từ thoái vốn	266.631		266.631	213.305		213.305			
	-Cổ tức	28.260		28.260	28.260		28.260			
2	Cty Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	127.037		6.750	5.400	100,00%	5.400		1.811	

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI



BẢNG TÍNH KẾ HOẠCH CỔ TỨC 2019

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn Tổng công ty	Quỹ đầu tư phát triển	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	Tổng cổ tức được nhận
Cty TNHH Quốc tế Bourbon (Big C)	252.374	35%			
Công ty TNHH Co.op Biên Hoà	25.657				2.500
Cty TNHH MTV Cao su công nghiệp	175.000	39,00%		4,00%	2.730
Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bửu Long	273.000	100,00%			
Cty CP XD và SX VLXD Biên Hòa	470.000	49,00%	34.033	10,00%	23.030
TỔNG CỘNG					28.260



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

DỰ KIẾN THOẢI VỐN ĐẦU TƯ CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2019

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	SỐ ĐẦU NĂM				SỐ CỔ PHẦN DỰ KIẾN BÁN					SỐ CỔ PHẦN CÒN LẠI		
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn	Số CP của TCT	Trị giá CP (mệnh giá)	Số lượng CP	Trị giá (mệnh giá)	Giá bán dự kiến 1 cổ phần (đồng)	Trị giá bán dự kiến	Lãi	Tỷ lệ	Số lượng CP	Trị giá
1	Cty CP Chăn nuôi Phú Sơn	67.500	73,56%	4.965.132	49.651	4.965.132	49.651	14.000	69.512	19.861	0,0%	-	0
2	Cty CP Nông súc sản Đồng Nai	102.639	84,32%	8.654.142	86.541	8.654.142	86.541	12.000	103.850	17.308	0,0%	-	0
3	Cty CP Tổng hợp gỗ Tân Mai	46.624	70,13%	3.269.500	32.695	3.269.500	32.695	15.000	49.043	16.348	0,0%	-	0
4	Cty CP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	100.000	72,11%	7.210.800	72.108	7.210.800	72.108	11.000	79.319	7.211	0,0%	-	0
5	Cty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai	40.000	78,44%	3.137.628	31.376	3.137.628	31.376	14.500	45.496	14.119	0,0%	-	0
6	Cty CP XD và SX VLXD Biên Hòa	470.000	67,40%	31.677.000	316.770	8.647.000	86.470	26.000	224.822	138.352	49,00%	23.030.000	230.300
7	Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển Bưu Long	347.382	100,00%				177.165		212.598	35.433	49,0%		170.217
8	Cty CP Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	120.000	4,5%	540.000	5.400	540.000	5.400	13.000	7.020	1.620	0,0%	-	0
9	Cty CP Chế biến XNK NSTP Đồng Nai	225.000	39,84%	8.964.300	89.643	8.964.000	89.640	10.000	89.640	0	0,0%	-	0
10	Cty CP Cao su Công nghiệp	175.000	65,85%	11.523.750	115.238	6.300.000	63.000	12.600	79.380	16.380	36,0%	6.300.000	63.000
	Tổng cộng								266.631				